TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** TỈNH ĐẮK LẮK	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số:69/2021/HNGĐ-ST
Ngày 28-06-2021
V/v: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Vĩ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bạn

2. Bà Nguyễn Thị Bình

Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa: **Ông Trần Tố Lâm; Chức vụ: kiểm sát viên.**

Ngày 28/06/2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh ĐắkLắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 910/2020/HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2020 về việc "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 64/2021/QĐXX-ST ngày 24 tháng 05 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 53/2021/QĐST-HNGĐ ngày 09/06/2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Bà H'N– sinh năm:1990(Có mặt)

-Bị đơn: Ông Y L- Sinh năm: 1989(Vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Buôn Dh, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Theo đơn ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn bà H'N trình bày:

Tôi và Y L tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 15/12/2010. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau. Đến tháng 7 năm 2014 mâu thuẫn phát sinh căng thẳng, ông Y L đã bỏ về nhà mẹ đẻ sinh sống từ tháng 07 năm 2014 đến nay, vợ chồng ly thân từ đó cho đến nay. Trong thời gian ly thân, vợ chồng không có thiện chí hàn gắn mà bỏ mặc, không quan tâm đến

nhau. Nay tôi xác nhận tình cảm, tình thương yêu vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã kéo dài trầm trọng nên tôi cương quyết xin ly hôn với ông Y L.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng tôi có 01 con chung là cháu H H– sinh ngày 01/04/2011 hiện cháu đang ở với tôi. Khi ly hôn tôi có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung đến tuổi thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Tôi không yêu cầu ông Y L cấp dưỡng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tôi và ông Y L không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

2].Đối với bị đơn ông Y L: Tòa án đã tiến hành thông báo triệu tập hợp lệ nhưng ông Y L không lên Tòa án làm việc nên không lấy được lời khai.

Quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của pháp luật về nguyên đơn đã chấp hành tốt tuy nhiện đối với bị đơn chưa chấp hành tốt. Về nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu xin ly hôn của bà H'N và giao con chung cho bà H'N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Tranh chấp giữa nguyên đơn bà HN và bị đơn ông Y L là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền Tòa án giải quyết.

Qua xác minh thì được chính quyền địa phương thì được biết: Ông Y L vẫn đang cư trú ở tại Buôn Dh, xã C, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk do đó thẩm quyền giải quyết ly hôn là thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông Y L đều vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về các nội dung yêu cầu khởi kiện của bà HN; không có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án không tiến hành hòa giải được và đã phải hoãn phiên tòa lần đầu vào ngày 09 tháng 06 năm 2021. Tại phiên tòa hôm nay, ông Y L vẫn vắng mặt là thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Y L theo quy định.

[2]. Hôn nhân giữa bà HN và ông Y L là hợp pháp; trong thời gian chung sống, vợ chồng bà HN và ông Y L đã xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến bà HN yêu cầu Tòa án xin ly hôn chứng tỏ giữa bà HN và ông Y L không còn thương yêu, gắn bó với nhau;

không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Như vậy, giữa bà H N và ông Y L không còn tình nghĩa vợ chồng theo quy định tại Điều 19 của Luật Hôn nhân và gia đình; từ đó vợ chồng bà H N và ông Y L là đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đây là căn cứ cho ly hôn được quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà H N và cho bà H N được ly hôn với ông Y L.

-Về con chung: Bà H N và ông Y L có 01 con chung là: cháu H H– sinh ngày 01/04/2011.

Khi ly hôn, bà H N có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) vì bà H N có điều kiện và thời gian chăm sóc con chung.

Xét nguyện vọng của bà H N là chính đáng vì từ khi ly thân đến nay bà H N đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con chung và không để ảnh hưởng đến tâm lý và điều kiện học hành và xét nguyện vọng của cháu H H là muốn được ở với mẹ nên cần giao cháu H H cho bà H N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành (18 tuổi) là phù hợp.

-Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà H N không yêu cầu ông Y L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

-Về tài sản chung, nợ chung: Bà H N không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khỏan 1 Điều 39; Điều 146; điểm a khoản 1 Điều 203; điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH12 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà H N.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà H N được ly hôn với ông Y L.

2. Về con chung: Giao cháu H H– sinh ngày 01/04/2011 cho bà H N được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi đủ tuổi thành niên(18 tuổi).

Ông Y L được quyền đi lại thăm nom và chăm sóc con chung không ai được ngăn cản.

3.Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà HỈN không yêu cầu ông Y L phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét.

4. Về tài sản chung, nợ chung: Bà HỈN không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí ly hôn sơ thẩm: Bà HỈN phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng mà bà HỈN đã nộp tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm theo biên lai thu số 0013433 ngày 30/11/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
-P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND tỉnh Đắk Lắk;
-VKSND TP.BMT;
-CCTHADS TP.BMT;
-UBND xã Cư Ê Bur
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ